

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-PT

Ngày 15/9/2020

V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng.

Bà Mai Vương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 26/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DSST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2020/QĐPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2020/QĐPT-DS ngày 15/7/2020; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 148/TB-TA ngày 28/7/2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 162/2020/TB-TA ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1960; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K112/H59/16 đường Trần Cao V, tổ 33 phường T, quận T, thành phố Đ; Địa chỉ liên hệ: Số 17 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đ. (Có mặt).

2. Ông Lê Quang H1, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số 42 đường C, khu 4, Nghĩa lập 1, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

3. Bà Lê Thị Thanh S, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Số 148 đường P, tổ 03 phường P, quận S, thành phố Đ.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang H1, bà Lê Thị Thanh S là bà Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1960; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K112/H59/16 đường Trần Cao V, tổ 33 phường T, quận T, thành phố Đ; Địa chỉ liên hệ: Số 17 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/8/2019 và Giấy ủy quyền ngày 19/8/2019. Có mặt).

4. Bà Lê Thị Thanh H1, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Số 614 đường Đ, phường 11, quận 10, thành phố H. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Quang H2, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt).

2. Anh Lê Quang H3, sinh năm 1985; Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

- Người giám hộ của anh Lê Quang H3: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L (Là mẹ ruột của anh H3. Có mặt).

3. Anh Lê Quang H4, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 35 đường 2/4, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt).

4. Anh Lê Quang H5, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt).

5. Chị Lê Ngọc H2, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số 35 đường 2/4, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

6. Anh Lê Quang H6, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số 35 đường 2/4, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Ngọc H2, anh Lê Quang H6: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1960; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K112/H59/16 đường Trần Cao V, tổ 33 phường T, quận T, thành phố Đ; Địa chỉ liên hệ: Số 17 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đ. (Theo các Giấy ủy quyền ngày 19/8/2019. Có mặt).

7. Bà Phan Thị H3, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

8. Anh Lê Quang H7, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

9. Chị Lê Thị Thanh H4, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số 01 đường T, phường 1, thành phố Đ, tỉnh L.

10. Anh Lê Quang H8, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H3, anh Lê Quang H7, chị Lê Thị Thanh H4, anh Lê Quang H8: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1960; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K112/H59/16 đường Trần Cao V, tổ 33 phường T, quận T, thành phố Đ; Địa chỉ: Số 17 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/8/2019. Có mặt).

11. Bà Tống Thị Mỹ L, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Thanh H, bà Lê Thị Thanh H1 là nguyên đơn; ông Lê Quang H2 là bị đơn và bà Tống Thị Mỹ L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh H1 cùng ông Lê Quang H1, bà Lê Thị Thanh S, bà Lê Thị Thanh H, đại diện do bà Lê Thị Thanh H trình bày:* Cha của các ông bà là cụ ông Lê Văn Hoanh (sinh năm 1923, chết năm 1975) và mẹ là

cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (sinh năm 1926, chết năm 2007). Cha mẹ chết không để lại di chúc và cũng không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải thanh toán cho ai. Trong quá trình chung sống, cụ Hoanh và cụ Nhân sinh được 07 người con chung: Ông Lê Quang H9 (chết năm 2004, kết hôn với bà Lê Thị T, sinh được 05 người con chung: Lê Quang H4, Lê Quang H3, Lê Quang H6, Lê Quang H5, Lê Ngọc H2); bà Lê Thị Thanh S; ông Lê Quang H10 (chết năm 2017, kết hôn với bà Phan Thị H3 sinh được 03 người con chung: Lê Quang H6, Lê Thị Thanh H4, Lê Quang H8); bà Lê Thị Thanh H; ông Lê Quang H1; ông Lê Quang H2; bà Lê Thị Thanh H1. Ngoài ra, không có con riêng hay con nuôi nào khác. Bố mẹ của cụ Hoanh và cụ Nhân đều đã chết.

Quá trình chung sống thì cụ Hoanh và cụ Nhân có tạo lập được nhà và đất tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7, diện tích xây dựng 66,40m², tổng diện tích sử dụng 78,60m² tại địa chỉ số 60 (cũ), nay số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo hồ sơ gốc số 47978 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2001 đứng tên Nguyễn Thị Thanh Nhân và Lê Văn Hoanh (chết). Các ông bà thống nhất với kết quả định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE đã định giá giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trên đất nêu trên có giá trị là 8.788.583.901 đồng (*Tám tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm lẻ một đồng*); Trong đó: Giá trị Quyền sử dụng đất ở là: 8.281.331.640 đồng, giá trị công trình xây dựng trên đất là: 507.252.261 đồng (*trong đó căn nhà 1 tầng + gác lửng phía trước giáp với đường Trần Cao V có giá trị là: 76.493.353 đồng, căn nhà phía sau 4 tầng + gác lửng có giá trị là: 430.758.908 đồng*). Nguyên trước đây, trên thửa đất có 01 ngôi nhà là do cha mẹ để lại, sau đó ngôi nhà xuống cấp nên năm 2010, các anh chị em vay tiền ngân hàng sửa sang lại ngôi nhà và hằng năm, ông H2 có quét vôi lại ngôi nhà. Sau đó, ông H2 lấy vợ thì các anh chị em thống nhất để cho ông H2 xây thêm phần nhà phía sau để ở. Phần ngôi nhà phía sau do ông H2 xây dựng và các anh chị em có cho ông H 260.000.000 đồng để xây nhà, đây là số tiền do di để lại cho các anh chị em. Hiện 02 căn nhà và toàn bộ quyền sử dụng đất nói trên đang

do các anh chị em trong gia đình cùng quản lý, sử dụng. Cụ thể: căn nhà 1 tầng + gác lửng phía trước thì các anh chị em vẫn về mở cửa, quét dọn và hương khói cho ông bà tổ tiên; đối với căn nhà 4 tầng + gác lửng phía sau thì do vợ chồng ông H2 quản lý và sử dụng. Nhà đất là di sản của cha mẹ để lại và hiện chưa chia.

Do mỗi lần anh chị em và các cháu ở xa về thì ông H2 có những lời lẽ không hay, chửi mắng, xúc phạm và đuổi đi nên các anh em trong gia đình rất bức xúc nên các ông bà yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (trừ ngôi nhà 4 tầng) trị giá 8.357.824.993 đồng chia làm 07 kỷ phần tương ứng cho 07 người con của cụ Hoanh và cụ Nhân (*Đối với ông Lê Quang H9 và ông Lê Quang H10 đã chết thì người thừa kế của ông H9 và ông H10 sẽ nhận*).

Tại Văn bản trình bày ý kiến của ông Lê Quang H1 ghi ngày 13/02/2020 thể hiện ông từ chối nhận di sản thừa kế của cha mẹ để lại và giao kỷ phần thừa kế được nhận cho bà Lê Thị Thanh H1. Việc từ chối nhận và giao kỷ phần thừa kế cho bà H1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc.

Ngày 29/6/2020, bà Lê Thị Thanh H1 có văn bản đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền giữa bà H1 với bà Lê Thị Thanh H do Văn phòng công chứng quận 10, thành phố Hồ Chí Minh chứng thực và bà H có nhận được thông báo về việc chấm dứt này. Ngày 06/7/2020, bà Lê Thị Thanh H và bà Lê Thị Thanh S cùng có văn bản trình bày ý kiến từ chối nhận di sản thừa kế và đồng ý tặng kỷ phần thừa kế mình được hưởng cho bà Lê Thị Thanh H1.

Tại văn bản trình bày ngày 12/02/2020 và ngày 12/7/2020, bà Lê Thị Thanh H1 trình bày có nguyện vọng được nhận tài sản thừa kế của cha mẹ để lại là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ để bà ở và thờ cúng cha mẹ, ông bà vì bà là người độc thân và có sự đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế của 5 anh chị em và các cháu, đồng thời bà chỉ thôi trả một phần cho ông H2. Nếu giao nhà cho ông H2 thì ông H2 phải thôi mỗi phần trên 1.200.000.000 đồng, chắc chắn ông H2 sẽ bán nhà thờ để trả. Điều đó sẽ không phù hợp với nguyện vọng của đại đa số anh chị em trong gia đình.

- Bị đơn là ông Lê Quang H2 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Thanh H về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế và di sản thừa kế của cha mẹ ông là cụ Lê Văn Hoanh và mẹ là cụ Nguyễn Thị Thanh Nhân chết để lại. Ông xác nhận cha mẹ ông chết không để lại di chúc và cũng không có nghĩa vụ gì phải thanh toán. Quá trình chung sống thì cha mẹ ông là cụ ông Lê Văn Hoanh và cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân có tạo lập được nhà và đất tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ số 60 (cũ), nay là số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 47978 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2001 đứng tên Nguyễn Thị Thanh Nhân và Lê Văn Hoanh (chết). Hiện nhà và đất nói trên đang do các anh chị em trong gia đình cùng quản lý sử dụng. Cụ thể căn nhà 1 tầng + gác lửng phía trước thì các anh chị em vẫn về mở cửa, hương khói cho ông bà, tổ tiên, còn ông cùng vợ là bà Tống Thị Mỹ L ở, quản lý, sử dụng căn nhà 4 tầng + gác lửng phía sau. Cha ông mất năm 1975 thì khoảng một thời gian sau, các anh chị em của ông đều đi làm ăn xa và lập ngH5, sinh sống ở các nơi. Năm 1989, ông lập gia đình và cùng vợ là bà Tống Thị Mỹ L sống với mẹ tại nhà số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ. Thời điểm đó, ngôi nhà đã xuống cấp trầm trọng nên vợ chồng ông phải cố gắng vay mượn khắp nơi để có tiền sửa chữa, xây dựng lại ngôi nhà và phần nhà thờ để thờ cúng ông bà, tổ tiên. Ông xác định 06 anh chị em trong gia đình đã thống nhất đồng ý tặng cho ông phần đất phía sau có diện tích là **21,25m²** đất để cho hai vợ chồng ông xây nhà 4 tầng + gác lửng phía sau trên diện tích đất đó và có viết giấy tờ cho ông. Tuy nhiên, ông chưa làm thủ tục tách thửa. Hiện các giấy tờ tặng cho đất nói trên do 06 anh chị em cất giữ nên ông không thể cung cấp cho Tòa án được.

Nay các anh chị em yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại thì ông đồng ý chia theo pháp luật phần diện tích đất và căn nhà phía trước có diện tích là 45,15m². Tại phiên tòa sơ thẩm, ông có nguyện vọng được nhận tài sản là toàn bộ nhà đất nêu trên và ông có nghĩa vụ bồi trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Đối với phần diện tích đất phía sau là **21,25m²** và phần nhà phía sau do vợ

chồng ông bỏ tiền ra xây dựng thì ông không đồng ý chia vì đây là phần đất 06 anh chị em đã cho ông rồi. Ông không đồng ý đối với kết quả định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE đã định giá giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nêu trên nH10 ông cũng không yêu cầu định giá lại.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tống Thị Mỹ L trình bày: Bà là vợ của ông Lê Quang H2 thống nhất với lời trình bày của ông H. Bà xác định nhà và đất hiện nay đang tranh chấp là của bố mẹ chồng của bà là cụ ông Lê Văn Hoanh (chết năm 1975) và mẹ là cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (chết năm 2007) để lại. Khi bà và ông H2 xây dựng gia đình thì trên thửa đất đó có 01 ngôi nhà nH10 đã xuống cấp nên vợ chồng bà đã vay mượn, sửa sang lại phần ngôi nhà phía trước để thờ cúng; các anh chị em của ông H2 đã thống nhất cho ông H2 phần diện tích đất phía sau là 21,25m² để vợ chồng có nơi ở, sinh hoạt riêng. Do 06 anh chị em đồng ý cho ông H2 phần diện tích đất phía sau là 21,25m² thì vợ chồng bà mới xây ngôi nhà 4 tầng + gác lửng trên diện tích đó. Vợ chồng bà phải tích góp tiền 10 năm nay và vay mượn tiền Ngân hàng mới có tiền xây nhà. Thực ra, trước đây các anh chị em trong gia đình rất thương yêu nhau nH10 xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong gia đình nên giữa các anh chị em mới ra nông nổi này. Vì các anh chị em đã thống nhất đồng ý cho ông H2 phần diện tích đất phía sau là 21,25m² nên vợ chồng bà không đồng ý chia phần diện tích đất đó và ngôi nhà 4 tầng + gác lửng trên phần diện tích đất nói trên. Bà không có ý kiến gì đối với kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC VALUE đã định giá nhà đất có tranh chấp nêu trên. Trường hợp nếu Tòa án chia di sản thừa kế thì bà cũng đồng ý với ý kiến của ông H2 là ông H2 sẽ nhận nhà đất có tranh chấp và bồi trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

- Bà Phan Thị H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8, chị Lê Thị Thanh H4 (Hàng thừa kế của ông Lê Quang H10) và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Thanh H trình bày: Nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp là của cha chồng và ông bà nội tạo lập. Ông Lê Quang H10 là chồng, cha của bà, các anh chị và là con của cụ Hoanh và cụ Nhân. Ông H10 chết năm 2017, bà

Phan Thị H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8, chị Lê Thị Thanh H4 là những người thuộc hàng thừa kế của ông H10 nên được hưởng kỷ phần thừa kế do cụ Hoanh và cụ Nhân để lại. Nay bà và các anh chị thống nhất từ chối nhận kỷ phần thừa kế của ông H10 mà ông H10 được hưởng và đồng ý giao toàn bộ kỷ phần thừa kế này cho bà Lê Thị Thanh H1. Tất cả không có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản có tranh chấp mà Công ty cổ phần Thẩm định giá đã định giá.

- Bà Lê Thị T, anh Lê Quang H3 (Người giám hộ là bà Lê Thị T); anh Lê Quang H4, anh Lê Quang H5 và người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Quang H6, chị Lê Ngọc H2 là bà Lê Thị Thanh H (Hàng thừa kế của ông Lê Quang H9) trình bày: Nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp là của cha chồng và ông bà nội tạo lập. Ông Lê Quang H9 là chồng, cha của bà và các anh chị và là con của cụ Hoanh và cụ Nhân. Ông H9 chết năm 2004, bà Lê Thị T và các con bà Tâm, ông H9 là những người thuộc hàng thừa kế của ông H9 nên được hưởng kỷ phần thừa kế do cụ Hoanh và cụ Nhân để lại. Nay bà và các anh chị thống nhất từ chối nhận kỷ phần thừa kế của ông H9 mà ông H9 được hưởng và đồng ý giao toàn bộ kỷ phần thừa kế này cho bà Lê Thị Thanh H1. Tất cả không có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản có tranh chấp mà Công ty cổ phần Thẩm định giá đã định giá.

Ngày 29/6/2020, bà Lê Thị T, anh Lê Quang H5, anh Lê Quang H4 lập hợp đồng hủy bỏ giấy ủy quyền đối với bà Lê Thị Thanh H do Văn phòng Công chứng Đức Nam, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L chứng thực.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng đã xử và quyết định:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 165, 166, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh về Thừa kế số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10/9/1990 của Hội đồng Nhà nước Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị Quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính.

- Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Quyết định số: 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Quyết định số: 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy Ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là các ông bà Lê Quang H1, Lê Thị Thanh H1, Lê Thị Thanh S và Lê Thị Thanh H về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*” đối với bị đơn là ông Lê Quang H2.

1. Xác định nhà và đất tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7; tại địa chỉ số 60 (cũ), 128 (mới) đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402041024; hồ sơ gốc số 47978 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2001, đứng tên cụ ông Lê Văn Hoanh và cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (chết) có tổng giá trị là: 8.788.583.901đ (*tám tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm lẻ một đồng*); trong đó:

1.1. Di sản thừa kế của cụ ông Lê Văn Hoanh và cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân để lại là Quyền sử dụng đất có diện tích 66,40 m² thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7; tại địa chỉ số 60 (cũ), 128 (mới) đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402041024; hồ sơ gốc số 47978 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

cấp ngày 28/11/2001, đứng tên cụ ông Lê Văn Hoanh và cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (chết) có giá trị là 8.357.824.993 đồng (gồm giá trị quyền sử dụng đất và giá trị căn nhà 1 tầng + gác lửng).

+ Phần di sản của cụ Hoanh được xác định có giá trị là 4.178.912.496 đồng.

+ Phần di sản của cụ Nguyễn Thị Thanh Nhân được xác định có giá trị là 4.775.899.995 đồng.

1.2. Giá trị tài sản của ông Lê Quang H2 và bà Tổng Thị Mỹ L là căn nhà 4 tầng + gác lửng nằm trong khối tài sản do cụ Hoanh và cụ Nhân để lại tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7; tại địa chỉ số 60 (cũ), 128 (mới) đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ, có giá trị 430.758.908 đồng.

2. Xác định hàng thừa kế và chia thừa kế theo pháp luật:

2.1. Những người thừa kế theo pháp luật của cụ ông Lê Văn Hoanh gồm: Cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân, ông Lê Quang H9, bà Lê Thị Thanh S, ông Lê Quang H10, bà Lê Thị Thanh H, ông Lê Quang H1, ông Lê Quang H2 và bà Lê Thị Thanh H1 với giá trị mỗi kỹ phần là 522.364.062 đồng.

Ông Lê Quang H9 chết năm 2004 nên những người thừa kế theo pháp luật của ông H9 sẽ nhận kỹ phần khi chia di sản thừa kế của cụ Hoanh mà ông H9 được hưởng, cụ thể: bà Tâm, anh H4, anh H3, anh H6, anh H5 và chị H2 mỗi người được nhận 74.623.437 đồng.

Ông Lê Quang H10 chết năm 2017 nên những người thừa kế theo pháp luật của ông H10 sẽ được nhận kỹ phần khi chia di sản thừa kế của cụ Hoanh mà ông H10 được hưởng, cụ thể: là bà H3, anh H6, anh H8 và chị H8, mỗi người được nhận giá trị 130.591.015 đồng.

2.2. Những người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị Thanh Nhân gồm: bà S, bà H, ông H, ông H2 và bà H1 mỗi người được hưởng giá trị là 682.271.427 đồng.

Ông H9 chết năm 2004 nên những hàng thừa kế thế vị của ông H9 sẽ được hưởng kỹ phần khi chia di sản thừa kế của cụ Nhân, bao gồm: anh H4, anh H3, anh H6, anh H5 và chị H2 mỗi người được hưởng giá trị là 136.454.285 đồng.

Ông H10 chết năm 2017 nên hàng thừa kế của ông H10 là bà H3, anh H6, anh H8 và chị H8 mỗi người được hưởng giá trị là **170.567.856 đồng**.

3. Giao cho ông Lê Quang H2 được trọn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ Quyền sử dụng đất ở với diện tích 66,40 m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 1 tầng + gác lửng tọa lạc tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7; địa chỉ tại 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402041024; hồ sơ gốc số 47978 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2001 đứng tên cụ ông Lê Văn Hoanh và cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (chết).

4. Ông Lê Quang H2 có nghĩa vụ thanh toán như sau:

4.1. Thanh toán cho các ông bà: Lê Thị Thanh H, Lê Thị Thanh S, Lê Quang H1, Lê Thị Thanh H1, mỗi người số tiền 1.204.635.489 đồng.

4.2. Thanh toán cho bà **Lê Thị T** số tiền 74.623.437 đồng.

4.3. Thanh toán cho anh Lê Quang H4, Lê Quang H3, Lê Quang H6, Lê Quang H5 và Lê Thị Ngọc Hân, mỗi người số tiền 211.077.722 đồng.

4.4. Thanh toán cho bà **Phan Thị H3**, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8 và Lê Thị Thanh H4, mỗi người số tiền 301.158.871 đồng.

5. Ông Lê Quang H2 có quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất nêu trên tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7, địa chỉ 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí định giá tài sản theo giá thị trường: 25.000.000 đồng, bà Lê Thị Thanh H đã nộp đã chi, nên các đương sự phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Thanh H tương ứng với số tiền được nhận, cụ thể:

6.1. Buộc bà Lê Thị Thanh H1, bà Lê Thị Thanh S, ông Lê Quang H1, mỗi người phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 3.427.000 đồng.

6.2. Buộc ông Lê Quang H2, phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 4.652.000 đồng.

6.3. Buộc bà **Lê Thị T** phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 212.000 đồng.

6.4. Buộc anh Lê Quang H4, anh Lê Quang H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H5 và chị Lê Ngọc H2 mỗi người phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh H là 600.000 đồng.

6.5. Buộc bà Phan Thị H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8 và chị Lê Thị Thanh H4 mỗi người phải thanh toán cho bà Lê Thị Thanh H số tiền là 857.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nH10 phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Buộc bà Lê Thị Thanh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.139.064 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.143.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005011 ngày 08/8/2019. Bà Lê Thị Thanh H1 còn tiếp tục phải nộp số tiền án phí là 40.996.064 đồng.

7.2. Buộc ông Lê Quang H2 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 48.139.064 đồng.

7.3. Buộc ông Lê Quang H1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 48.139.064 đồng, nH10 được trừ số tiền tạm ứng án phí 7.143.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005012 ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Quang H1 còn tiếp tục phải nộp số tiền án phí là 40.996.064 đồng.

7.4. Bà Lê Thị Thanh S được miễn án phí nên hoàn trả lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí 7.143.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005013 ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

7.5. Buộc bà Lê Thị Thanh H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 48.139.064 đồng, nhưng H10 được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.143.000 đồng

đã nộp theo biên lai thu số 0005014 ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà H còn tiếp tục phải nộp số tiền án phí là 40.996.064 đồng.

7.6. Buộc anh Lê Quang H4, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H5 và chị Lê Thị Ngọc H2 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.553.886 đồng.

7.7. Buộc anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8 và chị Lê Thị Thanh H4 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.057.944 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/5/2020, bà Lê Thị Thanh H là nguyên đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin giữ lại ngôi nhà tại địa chỉ số 60 (cũ), 128 (mới) đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ để làm nơi thờ cúng cha mẹ, đồng thời là nơi để các anh chị em sum họp những ngày cúng, giỗ, Tết và xin được miễn tiền án phí vì bà đã lớn tuổi. Ngày 06/7/2020, bà H có kháng cáo bổ sung: 5 chị em gồm: Bà Lê Thị Thanh S, Lê Thị Thanh H, Lê Quang H1, Lê Thị T, Phan Thị H3 đồng ý tặng 5 kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà Lê Thị Thanh H1. Bà H1 có nghĩa vụ thối trả tiền kỷ phần cho ông Lê Quang H2. Nếu ông H2 ở tại ngôi nhà đó thì ông H2 chỉ được hưởng 1/7 giá trị ngôi nhà và phải có nghĩa vụ thối trả tiền lại cho 6 anh chị em. Cùng ngày 06/7/2020, bà Lê Thị Thanh H1 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa lại một phần Bản án sơ thẩm theo hướng giao lại toàn bộ nhà và đất cho bà theo nguyện vọng của 6 anh chị em cùng con cháu giữ lại căn nhà để thờ cúng cha mẹ, ông bà. Bà H1 sẽ có trách nhiệm thối trả kỷ phần thừa kế cho ông H2 theo quy định pháp luật. Ngày 06/7/2020, ông Lê Quang H2 là bị đơn và bà Tống Thị Mỹ L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo Bản án sơ thẩm theo hướng: Không đưa phần đất có diện tích 21,25m² trên đó có ngôi nhà 04 tầng của vợ chồng ông vào khối di sản thừa kế. Chưa xem xét phần đóng góp của vợ chồng ông bà trong việc sửa sang, tu bổ, nâng cấp ngôi nhà ở phía trước để hoàn trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền đóng góp này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn sơ thẩm, bà Lê Thị T ủy quyền cho bà Lê Thị Thanh H tham gia tố tụng thay mặt bà cùng con trai tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê do Văn phòng Công chứng Hoàng Đức Năm, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh L chỉ đúng một phần tư cách ủy quyền đối với bà T. Còn đối với phần ủy quyền của bà Lê Thị T giám hộ cho anh Lê Quang H3 là người khuyết tật thì tư cách của bà T vẫn không thay đổi. Bà T phải là người giám hộ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con là Lê Quang H3 nên bà T ủy quyền cho bà Lê Thị Thanh H là không đúng theo quy định tại Điều 48, 58 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, xét thấy vẫn không ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Lê Quang H3. Tại giai đoạn phúc thẩm đã khắc phục nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh H, bà Lê Thị Thanh H1 thì thấy: Cụ ông Lê Văn Hoanh (chết 1975) và cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (chết 2007) sinh được 07 người con chung là Lê Quang H9 (chết 2004), Lê Thị Thanh S, Lê Quang H10(chết 2017), Lê Thị Thanh H, Lê Quang H1, Lê Quang H2 và bà Lê Thị Thanh H1. Ngoài ra, không có con riêng hay con nuôi nào khác; bố mẹ của hai cụ đều đã chết. Di sản của hai cụ để lại là nhà và đất tại thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7, diện tích xây dựng 66,40m², tổng diện tích sử dụng 78,60m² tại địa chỉ số 60 (cũ), nay số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo hồ sơ gốc số 47978 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2001 đứng tên Nguyễn Thị Thanh Nhân và Lê Văn Hoanh (chết). Trước khi chết, hai cụ không để lại di chúc và bất kỳ nghĩa vụ phải thanh toán gì. Do đó, di sản được chia theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà H, bà H1 kháng cáo cho

rằng cấp sơ thẩm giao toàn bộ nhà và đất cho ông Lê Quang H2 là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bà nên đề nghị xem xét lại. HĐXX phúc thẩm xét thấy: Mặc dù hiện nay, 5 đồng thừa kế gồm hàng thừa kế của ông Lê Quang H9 (Có bà Lê Thị T, anh Lê Quang H4, anh Lê Quang H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H5, chị Lê Ngọc H2); hàng thừa kế của ông Lê Quang H10 (Có bà Phan Thị H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8, chị Lê Thị Thanh H4); bà Lê Thị Thanh S; bà Lê Thị Thanh H; ông Lê Quang H1 đều thống nhất từ chối nhận kỷ phần thừa kế được hưởng của cụ Hoanh, cụ Nhân để tặng cho bà Lê Thị Thanh H1 để bà H1 có nghĩa vụ thôi trả cho ông Lê Quang H2 và 6 anh chị em cùng con cháu giữ lại căn nhà để có nơi thờ cúng cha mẹ, ông bà. Tuy nhiên, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/10/2019 thể hiện trên diện tích đất 66,40m² có 2 ngôi nhà: Nhà 1 tầng + gác lửng phía trước giáp với đường Trần Cao V có diện tích xây dựng là 42,82m²; diện tích sử dụng là 65,9m². Nhà phía sau 4 tầng + gác lửng có diện tích xây dựng 22,41m². Trong đó, nhà phía sau 4 tầng + gác lửng được các đồng thừa kế xác định đây là nhà do vợ chồng ông Lê Quang H2 và bà Tống Thị Mỹ L xây dựng. Nếu tách thửa đất làm hai thì không đủ diện tích để tách thửa và cấp Giấy chứng nhận bởi theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND TP Đà Nẵng thì diện tích tối thiểu của thửa đất ở hình thành và thửa đất ở còn lại sau khi tách thửa trên địa bàn quận Thanh Khê phải là 50m², chiều rộng cạnh thửa đất tối thiểu là 3m. Mặt khác, từ trước đến nay ông Lê Quang H2 từ nhỏ cho đến khi lập gia đình ở cùng với cụ Nhân và hiện tại vẫn ở đó, không có chỗ ở nào khác, trong khi đó các đồng thừa kế ai cũng có chỗ ở ổn định. Do đó, không có cơ sở giao toàn bộ nhà và đất cho bà H1 được.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn là ông Lê Quang H2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Tống Thị Mỹ L thì thấy: Theo lời khai của hai vợ chồng ông H2 và bà L thì đối với phần diện tích đất phía sau 21,25m² đã được các anh chị em trong gia đình cho nên hai vợ chồng ông xây nhà 4 tầng + gác lửng phía sau trên diện tích đất đó và có viết giấy tờ cho ông H. Tuy nhiên, ông chưa làm thủ tục tách thửa. HĐXX phúc thẩm xét thấy: Tại Giấy phép xây dựng số:

1618/GPXD ngày 11/11/2009 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp cho Nguyễn Thị Thanh Nhân-Lê Văn Hoanh (c). Lê Quang H2 - Lê Thị Thanh H1 (được ủy quyền đứng đơn). Như vậy, ngay trong Giấy phép xây dựng, ông Lê Quang H2 cũng chỉ là người được ủy quyền đứng đơn, chưa phải là chủ sở hữu sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, hai vợ chồng ông H2 và bà L cũng không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh các đồng thừa kế còn lại đã tặng cho hai vợ chồng như đã khai nại. Do đó, cấp sơ thẩm xác định diện tích đất phía sau 21,25m² là di sản của cụ Hoanh và cụ Nhân để chia cho các đồng thừa kế là đúng pháp luật.

Ngoài ra, theo ông bà cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét phần đóng góp của vợ chồng ông bà trong việc sửa sang, tu bổ, nâng cấp ngôi nhà ở phía trước để hoàn trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền đóng góp này. Tại biên bản hòa giải ngày 12/9/2019, ông Lê Quang H2 khai nại trước đây ngôi nhà đã xuống cấp trầm trọng nên vợ chồng ông phải cố gắng vay mượn khắp nơi để có tiền sửa chữa, xây dựng lại ngôi nhà và phần nhà thờ để thờ cúng ông bà, tổ tiên. Tuy nhiên, các đồng nguyên đơn thì cho rằng khi ngôi nhà phía trước xuống cấp năm 2010, các anh chị em vay tiền Ngân hàng sửa sang lại ngôi nhà và hằng năm, ông H2 có quét vôi lại ngôi nhà. HĐXX xét thấy: Mặc dù vợ chồng ông H, bà L không yêu cầu trích công sức bảo quản di sản nhưng theo ý kiến của họ thì 21,25m² đã được các đồng thừa kế cho và theo vợ chồng ông H, bà L thì đây không phải là di sản thừa kế, đồng thời họ có công trong quá trình tu sửa, nâng cấp ngôi nhà phía trước (các đồng thừa kế thừa nhận vợ chồng ông H2 có công không có cửa, hằng năm có quét nước vôi ngôi nhà phía trước) và thực tế thì từ trước đến nay ông Lê Quang H2 cùng sống chung với cha mẹ và đến khi kết hôn với bà Tống Thị Mỹ L vẫn ở tại đó, còn các đồng thừa kế khác mỗi người sống một phương. Xét thấy yêu cầu quyền lợi của ông H, bà L cao hơn việc trích công sức bảo quản di sản. Do đó, cần trích 300.000.000 đồng trong tổng khối di sản cho ông H, bà L là thỏa đáng và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 18/11/2019 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE thì nhà đất tranh chấp nêu trên có giá trị

8.788.583.901 đồng; trong đó giá trị quyền sử dụng lô đất có diện tích 66,4m² là: 8.281.331.640 đồng; nhà ở 1 tầng + gác lửng: 76.493.353 đồng; nhà 4 tầng + gác lửng: 430.758.908 đồng. Như vậy, di sản thừa kế của cụ ông Lê Văn Hoanh và cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân để lại là quyền sử dụng đất ở có diện tích 66,4m² và căn nhà 1 tầng + gác lửng nêu trên có giá trị: 8.281.331.640 đồng + 76.493.353 đồng = 8.357.824.993 đồng. Sau khi tính trừ chi phí bảo quản di sản 300.000.000 đồng thì di sản còn lại là: 8.057.824.993 đồng; chia phần, mỗi cụ để lại là: 8.057.824.993 đồng: 2 = 4.028.912.496 đồng.

[4] Cụ ông Lê Văn Hoanh chết năm 1975, cụ Nhân chết năm 2007. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh về Thừa kế số 44-LCT/HĐNN ngày 10/9/1990 và Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số: 02/2016/NQQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cụ Hoanh chết năm 1975. Như vậy thời điểm mở thừa kế của cụ Hoanh là trước ngày 10/9/1990 nên thời hiệu khởi kiện đối với di sản của cụ Hoanh được tính từ ngày 10/9/1990. Cụ Nhân chết năm 2007 thì thời điểm mở thừa kế là năm 2007. Căn cứ tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...kể từ thời điểm mở thừa kế. Ngày 30/6/2019, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện. Như vậy thời hiệu chia di sản của hai cụ vẫn còn. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hoanh là ngày 10/9/1990 là không đúng. Đây được xác định là thời hiệu khởi kiện, còn thời điểm mở thừa kế được xác định là thời điểm chết của người để lại di sản.

Những người thừa kế di sản theo pháp luật của cụ Lê Văn Hoanh là 08 người, bao gồm: cụ Nguyễn Thị Thanh Nhân, ông Lê Quang H9, bà Lê Thị Thanh S, ông Lê Quang H10, bà Lê Thị Thanh H, ông Lê Quang H1, ông Lê Quang H2 và bà Lê Thị Thanh H1. Như vậy, mỗi người thừa kế của cụ Hoanh sẽ được hưởng di sản bằng nhau, mỗi kỷ phần trị giá: 4.028.912.496 đồng : 8 = 503.614.062 đồng.

Ông Lê Quang H9 chết năm 2004 chết sau cụ Hoanh nhưng chết trước cụ Nhân nên phần di sản mà ông H9 được hưởng thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế của ông Hùng, bao gồm: Cụ Nguyễn Thị Thanh Nhân, bà Lê Thị

T, anh Lê Quang H4, anh Lê Quang H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H5 và chị Lê Thị Ngọc H2; giá trị mỗi người được hưởng là: 503.614.062 đồng : 7 = 71.944.866 đồng.

Ông Lê Quang H10 đã chết năm 2017 chết sau cụ Hoanh và cụ Nhân nên những người thừa kế theo pháp luật của ông H10 gồm: Bà H3, anh H6, anh H8 và chị H8; giá trị mỗi người được hưởng là: 503.614.062 đồng : 4 = 125.903.515 đồng.

[5] Thời điểm mở thừa kế của cụ bà Nguyễn Thị Thanh Nhân là năm 2007. Ông Lê Quang H9 chết trước thời điểm cụ Nhân chết nên theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật dân sự thì các con của ông H9 là anh H4, anh H3, anh H6, anh H5 và chị H2 sẽ được hưởng thừa kế thế vị đối với kỷ phần mà ông H9 được hưởng. Ông Lê Quang H10 chết sau thời điểm cụ Nhân chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H10 sẽ nhận phần di sản mà ông H10 được hưởng gồm bà H3, anh H6, anh H8 và chị H8. Như vậy, chia di sản thừa kế của cụ Nhân gồm 07 kỷ phần: Bà S; bà H; ông H1; ông H2; bà H1; Hàng thừa kế thế vị của ông H9 gồm có anh H4, anh H3, anh H6, anh H5 và chị H2; Hàng thừa kế của ông H10 là bà H3, anh H6, anh H8 và chị H8.

[6] Di sản của cụ Nguyễn Thị Thanh Nhân bao gồm $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ là: 4.028.912.496 đồng; phần di sản cụ Nhân được hưởng di sản của cụ Hoanh là: 503.614.062 đồng và phần di sản cụ Nhân được hưởng từ ông H9 là: 71.944.866 đồng. Như vậy, di sản thừa kế của cụ Nhân để lại là: 4.604.471.424 đồng.

[7] Phân chia di sản thừa kế của cụ Nhân để lại: 4.604.471.424 đồng : 7 = 657.781.632 đồng. Như vậy, bà S, bà H, ông H, ông H2 và bà H1 mỗi người được hưởng giá trị là: 657.781.632 đồng.

Hàng thừa kế thế vị của ông Lê Quang H9 gồm: Anh H4, anh H3, anh H6, anh H5 và chị H2, mỗi người được hưởng là: 657.781.632 đồng : 5 = 131.556.326 đồng.

Hàng thừa kế theo pháp luật của ông Lê Quang H10 gồm: Bà H3, anh H6, anh H8 và chị H8, mỗi người được hưởng là: $657.781.632 \text{ đồng} : 4 = 164.445.408 \text{ đồng}$.

[8] Xác định kỹ phần thừa kế của các thừa kế được hưởng di sản thừa kế của cụ Hoanh và cụ Nhân là:

[8.1] Bà Lê Thị Thanh H, bà Lê Thị Thanh S, bà Lê Thị Thanh H1, ông Lê Quang H1 mỗi người được nhận là: $503.614.062 \text{ đồng} + 657.781.632 \text{ đồng} = 1.161.395.694 \text{ đồng}$.

[8.2] Ông Lê Quang H2 được nhận là: $503.614.062 \text{ đồng} + 657.781.632 \text{ đồng} + 150.000.000 \text{ đồng}$ (chi phí bảo quản di sản) = $1.311.395.694 \text{ đồng}$.

[8.3] Bà Lê Thị T (hưởng di sản của cụ Hoanh) được nhận là: $71.944.866 \text{ đồng}$.

[8.4] Anh Lê Quang H4, anh Lê Quang H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H5, chị Lê Thị Ngọc H2, mỗi người được nhận là: $71.944.866 \text{ đồng} + 131.556.326 \text{ đồng} = 203.501.192 \text{ đồng}$.

[8.5] Bà Phan Thị H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8, chị Lê Thị Thanh H4, mỗi người được nhận là: $125.903.515 \text{ đồng} + 164.445.408 \text{ đồng} = 290.348.923 \text{ đồng}$.

[8.6] Bà Tổng Thị Mỹ L được thanh toán chi phí bảo quản di sản: $150.000.000 \text{ đồng}$.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Thanh H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang H1, bà Lê Thị Thanh S; đại diện theo ủy quyền của anh Lê Quang H6, chị Lê Ngọc H2; đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8, chị Lê Thị Thanh H4; bà Lê Thị T đồng thời là người giám hộ của anh Lê Quang H3; anh Lê Quang H5, anh Lê Quang H4 đều từ chối không nhận phần di sản của mình được hưởng mà tặng cho lại bà Lê Thị Thanh H1 được toàn quyền nhận phần di sản thừa kế mà cụ Hoanh và cụ Nhân để lại nên ghi nhận sự tự nguyện tặng cho của họ đối với bà Lê Thị Thanh H1. Như vậy, tổng giá trị tài sản bà Lê Thị Thanh H1 được nhận là: $6.896.429.294 \text{ đồng}$. Trong đó, bà Lê Thị Thanh H ($1.161.395.694 \text{ đồng}$); bà Lê

Thị Thanh S (1.161.395.694 đồng); bà Phan Thị H3 (290.348.923 đồng), bà Lê Thị T (71.944.866 đồng); anh Lê Quang H3 (203.501.192 đồng). Tổng cộng là 2.888.586.369 đồng là thuộc trường hợp được xét miễn toàn bộ án phí nên khi tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho bà Lê Thị Thanh H1 thì cũng được xem xét miễn án phí theo quy định pháp luật. Còn lại bà H1 phải chịu án phí: 4.007.842.925 đồng.

[10] Căn nhà 04 tầng + gác lửng phía sau của thửa đất là do hai vợ chồng ông H2 và bà L xây dựng, có giá trị là 430.758.908 đồng được các bên đương sự thừa nhận nên HĐXX phúc thẩm xét tiếp tục giao cho ông Lê Quang H2 được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà và đất thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ số 60 (cũ), nay số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo hồ sơ gốc số 47978 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2001 đứng tên Nguyễn Thị Thanh Nhân và Lê Văn Hoanh (chết) là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Lê Quang H2, bà Tống Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ thối tiền chênh lệch chia tài sản chung cho bà Lê Thị Thanh H1 là: 6.896.429.294 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm không đưa các con ông H2, bà L tham gia tố tụng là thiếu sót nhưng do vẫn tiếp tục giao nhà, đất cho ông H2 nên thiếu sót này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[11] Từ sự phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Quang H2, bà Tống Thị Mỹ L.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đồng thừa kế phải chịu án phí đối với phần họ được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

[13] Về các chi phí tố tụng khác: bà Lê Thị Thanh H đã tạm ứng trước 25.000.000 đồng (Đã nộp và chi xong). Do vậy, các đồng thừa kế phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thanh H tương ứng với kỷ phần thừa kế mình đã nhận cụ thể như sau:

- + Bà Lê Thị Thanh H1 phải thanh toán cho bà H: 21.428.571 đồng.
- + Ông Lê Quang H2 phải thanh toán cho bà H: 3.571.428 đồng.

[14] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Lê Thị Thanh H, bà Lê Thị Thanh H1, phải chịu án phí DSPT. Tuy nhiên, bà Lê Thị Thanh H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được xét miễn tiền án phí. Hoàn trả lại cho ông Lê Quang H2, bà Tổng Thị Mỹ L mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[15] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, sửa một phần Bản án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thanh H, bà Lê Thị Thanh H1, bà Tổng Thị Mỹ L, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Quang H2, đề nghị HĐXX xem xét trích một phần chi phí quản lý di sản của ông Lê Quang H2, bà Tổng Thị Mỹ L từ 3% đến 5% trên tổng khối di sản và chia di sản thừa kế của cụ Hoanh và cụ Nhàn theo quy định pháp luật. Xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 609, 613, 618, 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật dân sự; Công văn số: 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối Cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thanh H, bà Lê Thị Thanh H1.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Quang H2, bà Tổng Thị Mỹ L.

2.1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về thanh toán chi phí quản lý di sản và Án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H, bà Lê Thị Thanh H1, bà Lê Thị Thanh S, ông Lê Quang H1 đối với ông Lê Quang H2 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Xử:

Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của bà Lê Thị Thanh H, ông Lê Quang H1, bà Lê Thị Thanh S, anh Lê Quang H6, chị Lê Ngọc H2, bà Phan Thị H3, anh Lê Quang H6, anh Lê Quang H8, chị Lê Thị Thanh H4; bà Lê Thị T, anh Lê Quang H3, anh Lê Quang H5, anh Lê Quang H4 đối với bà Lê Thị Thanh H1.

Giao cho ông Lê Quang H2, bà Tống Thị Mỹ L được quyền sở hữu, sử dụng nhà 1 tầng + gác lửng phía trước giáp với đường Trần Cao V có diện tích xây dựng là 42,82m², diện tích sử dụng là 65,9m² trị giá 76.493.353 đồng; nhà 4 tầng + gác lửng có diện tích xây dựng 22,41m² trị giá 430.758.908 đồng tọa lạc trên diện tích đất 66,40 m² trị giá 8.281.331.640 đồng, thuộc thửa đất số 522, tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ số 60 (cũ), nay số 128 đường Trần Cao V, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo hồ sơ gốc số 47978 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/11/2001 đứng tên Nguyễn Thị Thanh Nhàn và Lê Văn Hoanh (chết). Tổng giá trị nhà và đất là: 8.788.583.901 đồng.

Ông Lê Quang H2 được nhận là: 503.614.062 đồng + 657.781.632 đồng + 150.000.000 đồng (chi phí bảo quản di sản) = 1.311.395.694 đồng.

Bà Tống Thị Mỹ L được thanh toán chi phí bảo quản di sản là: 150.000.000 đồng.

Buộc ông Lê Quang H2, Tống Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ liên đới thời tiền chênh lệch chia tài sản chung cho bà Lê Thị Thanh H1 là: 6.896.429.294 đồng.

Ông Lê Quang H2 và bà Tống Thị Mỹ L được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục sang tên đổi chủ đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Án phí DSST: Bà Lê Thị Thanh H1 phải chịu: 112.007.842.925 đồng; ông Lê Quang H2 phải chịu: 51.341.870 đồng; Bà Tổng Thị Mỹ L phải chịu: 7.500.000 đồng.

2.3. Chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị Thanh H1 phải thanh toán lại cho bà H: 21.428.571 đồng. Buộc ông Lê Quang H2 phải thanh toán lại cho bà H1: 3.571.428 đồng.

3. Án phí DSPT: Bà Lê Thị Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001959 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001958 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Hoàn trả lại cho bà Tổng Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001994 ngày 27/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Hoàn trả lại cho Lê Quang H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001993 ngày 27/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé